

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

Số: 1140 /UBND-VHXXH

V/v cung cấp thông tin phục vụ xây dựng  
Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 04 tháng 6 năm 2019

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cung cấp thông tin phục vụ xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ theo đề nghị của Văn phòng Chính phủ như sau:

**I. CÁC THÔNG TIN CỤ THỂ**

1. Hiện trạng chế độ báo cáo tại bộ, cơ quan, địa phương (Phụ lục II).
2. Hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác báo cáo tại bộ, cơ quan, địa phương (Phụ lục III).

**II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**III. THÔNG TIN LIÊN HỆ**

1. Đầu mối liên hệ về nghiệp vụ báo cáo:

- Họ và tên: Lữ Nhật Linh
- Đơn vị: Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh
- Chức vụ: Chuyên viên
- Điện thoại cố định: 0276.3813363 Điện thoại di động: 0908.041.041
- Thư điện tử: lunhatlyl@tayninh.gov.vn

2. Đầu mối liên hệ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin:

- Họ và tên: Kiều Công Minh
- Đơn vị: Trung tâm CNTT&TT thuộc Sở Thông tin và Truyền thông
- Chức vụ: Chuyên viên
- Điện thoại cố định: 0276.3611169 Điện thoại di động: 0937.090.092
- Thư điện tử: congminh@tayninh.gov.vn

UBND tỉnh Tây Ninh đề nghị Văn phòng Chính phủ tổng hợp, thực hiện nhiệm vụ xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ./.

Nơi nhận: *chữ*

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TTTT;
- PTVP;
- CVVX;
- Lưu VT.VP.

Xoa

6

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Ngọc

Phụ lục II

HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG THỰC HIỆN BÁO CÁO TẠI BỘ,  
CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ/UBND CẤP TỈNH

(Kèm theo Công văn số 1440 /UBND-VHXH ngày 04 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

1. Số lượng báo cáo (BC) và biểu mẫu BC định kỳ đang thực hiện trong một năm tại UBND cấp tỉnh chia theo các kỳ BC

|          |                                                                    | Số lượng BC đang thực hiện tại CQ, ĐP <sup>1</sup><br>(Đổi với mỗi loại BC, chỉ xác định và điền vào một trong các cột từ 3 đến 7) |                   |                                                                                      |                                     |                   |                                                                                      |                                     | Số lượng BC đã đáp ứng yêu cầu tại ND số 09 (trên tổng số BC tại cột 5) |                         | Số lượng biểu mẫu BC<br>(Bao gồm mẫu đề cương và biểu mẫu số liệu BC)         |                                           |                         |  |  | Số kỳ hiệu, ngày tháng năm ban hành VB quy định chế độ BC<br>(Kèm đường dẫn tài văn bản nếu có) |
|----------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TT       | Loại báo cáo                                                       | Số BC CQ, ĐP vừa là chủ thể yêu cầu (nhân) vừa là đối tượng thực hiện (gửi) <sup>2</sup>                                           |                   | Số BC CQ, ĐP là chủ thể yêu cầu CQ, ĐP khác, tổ chức, cá nhân <sup>3</sup> thực hiện | Số BC CQ, ĐP là đối tượng thực hiện |                   | Số BC CQ, ĐP là chủ thể yêu cầu CQ, ĐP khác, tổ chức, cá nhân <sup>3</sup> thực hiện | Số BC CQ, ĐP là đối tượng thực hiện | Biểu mẫu BC CQ, ĐP vừa là chủ thể yêu cầu vừa là đối tượng thực hiện    |                         | Biểu mẫu BC CQ, ĐP là chủ thể yêu cầu CQ, ĐP khác, tổ chức, cá nhân thực hiện | Biểu mẫu BC CQ, ĐP là đối tượng thực hiện |                         |  |  |                                                                                                 |
|          |                                                                    | Số BC gửi CP, TTgCP                                                                                                                | Số BC gửi CQ khác |                                                                                      | Số BC gửi CP, TTgCP                 | Số BC gửi CQ khác |                                                                                      |                                     | Biểu mẫu BC gửi CP, TTgCP                                               | Biểu mẫu BC gửi CQ khác |                                                                               | Biểu mẫu BC gửi CP, TTgCP                 | Biểu mẫu BC gửi CQ khác |  |  |                                                                                                 |
| (1)      | (2)                                                                | (3)                                                                                                                                | (4)               | (5)                                                                                  | (6)                                 | (7)               | (8)                                                                                  | (9)                                 | (10)                                                                    | (11)                    | (12)                                                                          | (13)                                      | (14)                    |  |  |                                                                                                 |
| 1        | Báo cáo tháng                                                      |                                                                                                                                    |                   |                                                                                      |                                     |                   |                                                                                      |                                     |                                                                         |                         |                                                                               |                                           |                         |  |  |                                                                                                 |
| 2        | Báo cáo quý                                                        |                                                                                                                                    |                   |                                                                                      |                                     |                   |                                                                                      |                                     |                                                                         |                         |                                                                               |                                           |                         |  |  |                                                                                                 |
| 3        | Báo cáo 6 tháng                                                    |                                                                                                                                    |                   |                                                                                      |                                     |                   |                                                                                      |                                     |                                                                         |                         |                                                                               |                                           |                         |  |  |                                                                                                 |
| 4        | Báo cáo năm                                                        | 33                                                                                                                                 | 377               |                                                                                      | 33                                  | 209               |                                                                                      |                                     |                                                                         |                         |                                                                               |                                           |                         |  |  |                                                                                                 |
| 5        | Báo cáo theo các kỳ báo cáo khác (VD: tuần, 02 tuần, 02 tháng,...) |                                                                                                                                    |                   |                                                                                      |                                     |                   |                                                                                      |                                     |                                                                         |                         |                                                                               |                                           |                         |  |  |                                                                                                 |
| Tổng số: |                                                                    | 33                                                                                                                                 | 377               |                                                                                      | 33                                  | 209               |                                                                                      | .....                               |                                                                         | .....                   |                                                                               |                                           | .....                   |  |  |                                                                                                 |

<sup>1</sup> Tính tổng số lần thực hiện báo cáo trong một năm. VD: Loại báo cáo theo kỳ hàng tháng trong một năm sẽ có 12 báo cáo, báo cáo hàng quý sẽ có 04 báo cáo,....

<sup>2</sup> Ví dụ: đổi với báo cáo công tác Kiểm soát TTHC theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 thì bộ, cơ quan ngang bộ chỉ là đối tượng thực hiện BC (việc tổng hợp thông tin số liệu từ các đơn vị thuộc bộ, cơ quan tỉnh là báo cáo nội bộ, không thuộc phạm vi cung cấp thông tin tại văn bản này), gửi BC cho Văn phòng Chính phủ, diễn vào cột 7, còn UBND cấp tỉnh vừa là chủ thể yêu cầu (nhân BC từ UBND cấp huyện) vừa là đối tượng thực hiện (gửi BC cho Văn phòng Chính phủ), diễn vào cột 4; VPCP vừa là chủ thể yêu cầu (nhân BC từ bộ, cơ quan, UBND cấp tỉnh) vừa là đối tượng thực hiện (gửi BC cho Thủ tướng CP), diễn vào cột 3.

<sup>3</sup> Tổ chức, cá nhân: Là các đối tượng phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định mà không phải cơ quan hành chính nhà nước (VD: Doanh nghiệp, hiệp hội, tổ chức tôn giáo, tổ chức phi chính phủ, ....)

2. Số lượng BC và biểu mẫu BC định kỳ CQ, ĐP là chủ thể yêu cầu BC chia theo đối tượng thực hiện

| TT       | Loại báo cáo                                                       | Số lượng BC CQ, ĐP là chủ thể yêu cầu                         |                                        |                                                 |                               |                             |                      |                                    |                                                      | Ghi chú |
|----------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|----------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------|---------|
|          |                                                                    | BC yêu cầu CQ;<br>UBND tỉnh, huyện, xã và tổ chức, cá nhân BC | BC yêu cầu CQ, UBND tỉnh, huyện, xã BC | BC yêu cầu CQ, UBND tỉnh và tổ chức, cá nhân BC | BC yêu cầu CQ và UBND tỉnh BC | BC chỉ yêu cầu UBND tỉnh BC | BC chỉ yêu cầu CQ BC | BC chỉ yêu cầu tổ chức, cá nhân BC | Loại khác (VD: BC yêu cầu UBND tỉnh và huyện BC,...) |         |
| (1)      | (2)                                                                | (3)                                                           | (4)                                    | (5)                                             | (6)                           | (7)                         | (8)                  | (9)                                | (10)                                                 | (11)    |
| 1        | Báo cáo tháng                                                      |                                                               |                                        |                                                 |                               |                             |                      |                                    |                                                      |         |
| 2        | Báo cáo quý                                                        |                                                               |                                        |                                                 |                               |                             |                      |                                    |                                                      |         |
| 3        | Báo cáo 6 tháng                                                    | 366                                                           | 339                                    | 412                                             |                               | 377                         | 240                  | 37                                 |                                                      |         |
| 4        | Báo cáo năm                                                        | 367                                                           | 330                                    | 414                                             |                               | 377                         | 242                  | 37                                 |                                                      |         |
| 5        | Báo cáo theo các kỳ báo cáo khác (VD: tuần, 02 tuần, 02 tháng,...) |                                                               |                                        |                                                 |                               |                             |                      |                                    |                                                      |         |
| Tổng số: |                                                                    | 733                                                           | 669                                    | 826                                             |                               | 754                         | 482                  | 74                                 |                                                      |         |

### Phụ lục III

## HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG THỰC HIỆN BÁO CÁO UBND CẤP TỈNH



(Kèm theo văn bản số 140/UBND-VHXH ngày 01 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

1. Tổng số hệ thống thông tin có chức năng báo cáo phù hợp với chế độ báo cáo định kỳ đang thực hiện tại CQ, DP do CQ, DP chủ trì xây dựng, vận hành (sau đây gọi tắt là CNTT): 01 (hệ thống)

2. Thông tin của CNTT

| TT  | Tên CNTT <sup>1</sup>           | Hệ quản trị CSDL<br>(Microsoft<br>SQL,<br>Oracle...) | Ngôn ngữ lập trình<br>(C++,<br>ASP...) | Giao diện<br>(Web,<br>Desktop) | Đơn vị phát triển                | Thời gian đưa vào sử dụng | Năng cấp chỉnh sửa CNTT có được hỗ trợ từ đơn vị phát triển.<br>(Ghi Co/Không) | Quy mô triển khai CNTT<br>(Ghi Toàn quốc/Tại Bộ, cơ quan/Tại tỉnh, huyện, xã) | Đáp ứng mẫu biểu báo cáo động <sup>2</sup> |
|-----|---------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| (1) | (2)                             | (3)                                                  | (4)                                    | (5)                            | (6)                              | (7)                       | (8)                                                                            | (9)                                                                           | (10)                                       |
| 1   | Báo cáo chỉ tiêu kinh tế xã hội | Microsoft SQL                                        | ASP.NET                                | Web                            | Trung tâm tin học tỉnh Đồng Tháp | 2015                      | Có                                                                             | Tỉnh, huyện, xã                                                               |                                            |

<sup>1</sup> Nêu tên tất cả các CNTT hiện có tại CQ, DP

<sup>2</sup> Ghi chọn một trong bốn mức bên dưới:

Mức 3: CNTT đáp ứng được không cần nhà phát triển phần mềm hỗ trợ

Mức 2: CNTT đáp ứng được nhưng cần nhà phát triển phần mềm hỗ trợ

Mức 1: CNTT chỉ đáp ứng được một số mẫu biểu với định dạng nhất

định Mức 0: Chưa đáp ứng

### 3. Thông tin về báo cáo và biểu mẫu báo cáo điện tử trên HTTT<sup>3</sup>

| TT  | Tên HTTT <sup>4</sup>           | Tổng số biểu mẫu (BM) điện tử |                     |                         |                     | Tổng số báo cáo điện tử |                     |                         |                     |
|-----|---------------------------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------|---------------------|-------------------------|---------------------|-------------------------|---------------------|
|     |                                 | Tổng số BM theo tháng         | Tổng số BM theo quý | Tổng số BM theo 6 tháng | Tổng số BM theo năm | Tổng số BC theo tháng   | Tổng số BC theo quý | Tổng số BC theo 6 tháng | Tổng số BC theo năm |
| (1) | (2)                             | (3)                           | (4)                 | (5)                     | (6)                 | (7)                     | (8)                 | (9)                     | (10)                |
| 1   | Báo cáo chỉ tiêu kinh tế xã hội | 153                           | 101                 | 107                     | 131                 | 1269                    | 244                 | 79                      | 191                 |

### 4. Thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ báo cáo điện tử giữa các HTTT

| TT  | Tên HTTT <sup>5</sup>           | Đã thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ với HTTT khác (Ghi Có/Không) | Nêu tên các HTTT được kết nối, tích hợp, chia sẻ (Nếu cột 3 chọn Có) |
|-----|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                             | (3)                                                                  | (4)                                                                  |
| 1   | Báo cáo chỉ tiêu kinh tế xã hội | không                                                                |                                                                      |

### 5. Quy trình phê duyệt báo cáo và một số tính năng của HTTT

| TT | Tên HTTT <sup>6</sup>           | Thủ trưởng cơ quan có trực tiếp phê duyệt báo cáo không (Ghi có/Không) | Có chức năng theo dõi báo cáo, thống kê (Ghi Có/Không) | Có chức năng tích hợp tính năng cảnh báo, nhắc nhở qua SMS (Ghi Có/Không) | Có chức năng tích hợp tính năng cảnh báo, nhắc nhở qua Email (Ghi Có/Không) | Ứng dụng chữ ký số đã được Ban cơ yếu Chính phủ cung cấp (Ghi Đã sử dụng/Chưa sử dụng) |
|----|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Báo cáo chỉ tiêu kinh tế xã hội | có                                                                     | Có                                                     | không                                                                     | không                                                                       | không                                                                                  |

<sup>3</sup> Chỉ cung cấp các thông tin biểu mẫu, báo cáo phù hợp với chế độ báo cáo của bộ, cơ quan, địa phương tại phụ lục II

<sup>4</sup> Tên HTTT phải đồng nhất với tên được đưa ra trong mục 2 Phụ lục

này <sup>5</sup> Tên HTTT phải đồng nhất với tên được đưa ra trong mục 2 Phụ

lục này <sup>6</sup> Tên HTTT phải đồng nhất với tên được đưa ra trong câu 2

## 6. Hạ tầng mạng

a) Các Hệ thống mạng mà CQ, ĐP có sử dụng để triển khai các HTTT  
(Đánh dấu vào các mạng được sử dụng)

|                                                            |                                     |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Mạng truyền số liệu chuyên dùng của địa phương (Mạng WAN)  | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Mạng Internet                                              | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Hệ thống mạng khác                                         | <input type="checkbox"/>            |

## b) Đường truyền

| Tên (Kênh)            | Số lượng | Nhà cung cấp        | Tổng băng thông (kbps)                   |
|-----------------------|----------|---------------------|------------------------------------------|
| Leased line           | 1        | Viễn thông Tây Ninh | 2000 kbps quốc tế, 30000 kbps trong nước |
| FTTH                  | 2        | Viễn thông Tây Ninh | 120000 kbps                              |
| xDSL (ADSL, SDSL,...) |          |                     |                                          |
| Khác (ghi rõ):.....   |          |                     |                                          |

## 7. Bảo đảm an toàn HTTT theo cấp độ

| TT | Tên HTTT <sup>10</sup>          | Bảo đảm an toàn HTTT theo cấp độ<br>(Đã phê duyệt cấp độ/Chưa phê duyệt cấp độ) | Nêu cấp độ bảo đảm an toàn thông tin<br>(nếu đã phê duyệt cấp độ) |
|----|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 1  | Báo cáo chỉ tiêu kinh tế xã hội | Đã phê duyệt cấp độ                                                             | 3                                                                 |

## 8. Thông tin cài đặt của HTTT

| TT | Tên HTTT <sup>11</sup>          | HTTT được cài đặt tại đâu?<br>(Trung tâm dữ liệu của nhà cung cấp dịch vụ/Trung tâm/phòng máy chủ của cơ quan) | HTTT đã có hệ thống dự phòng hay chưa<br>(Đã có/Chưa có) |
|----|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 5  | Báo cáo chỉ tiêu kinh tế xã hội | Trung tâm/phòng máy chủ của cơ quan                                                                            | Đã có                                                    |

<sup>10</sup> Tên HTTT phải đồng nhất với tên được đưa ra trong câu 2

<sup>11</sup> Tên HTTT phải đồng nhất với tên được đưa ra trong câu 2